

Bản án số: 479/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983; địa chỉ: xx Đường 3/2, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Bình Th, sinh năm 1968; địa chỉ: x lô x chung cư Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T tự tìm hiểu rồi tiến đến chung sống với ông Lưu Bình Th, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cấp ngày 08/01/2010. Quá trình chung sống giữa bà với ông Th phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do hai bên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên xung đột cãi vã nhau. Ông Th không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, phạm tội bị phạt tù nhiều lần và vô cớ ghen tuông, không cho bà đi làm trong khi bản thân ông Th không có công

việc và thu nhập ổn định để chăm lo cho vợ con. Ông Th thường xuyên lăng mạ bà và người chủ công ty và người làm chung với bà. Ông Th còn có hành vi đe dọa sẽ giết hại bà nếu như bà cương quyết ly hôn. Bà T khai vợ chồng đã tự sống ly thân từ 07 năm nay. Nay bà T xác định hai bên không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lưu Bình Th có với nhau một con chung là trẻ Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010). Nếu ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn là ông Lưu Bình Th trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lưu Bình Th thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cấp ngày 08/01/2010. Ông Th xác nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Ông Th thừa nhận vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Ông Th xác nhận bản thân có cờ bạc và có tính ghen tuông do thương yêu vợ con. Ông Th thừa nhận có nhảm nhí và viết thư cho cha mẹ và anh chị em vợ nhờ lo cho con của vợ chồng ông nếu vợ chồng ông chết nhưng việc này không đồng nghĩa là ông Th hăm dọa giết bà T. Ông Th cho rằng bà T đi làm và thường xuyên đi giao dịch làm ăn với bạn bè và khách hàng nhưng không xin phép ông. Ông Th không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết hòa giải để vợ chồng chung sống đoàn tụ.

Về con chung: Ông Lưu Bình Th xác nhận ông và bà T có với nhau một con chung là Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010). Ông Th xác nhận hiện nay con chung là do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th thừa nhận bà T chăm sóc con rất tốt. Ông Th không nêu ý kiến về việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và việc bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Không có.

Tại phiên tòa, ông Lưu Bình Th vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày bổ sung.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành ghi nhận lời khai của trẻ Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010) về việc xác định nguyện vọng của trẻ muốn chung sống với cha hay mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ ngày 15/7/2020, trẻ Lưu Kim N khai có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc T. Việc lập Biên bản ghi nhận ý

kiến của trẻ ngày 15/7/2020 của Tòa án có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lưu Bình Th.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân Quận 11 nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện đối với ông Lưu Bình Th, yêu cầu giải quyết ly hôn; ông Lưu Bình Th cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn :

Bị đơn – ông Lưu Bình Th cư trú tại địa chỉ x lô x chung cư Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 28/8/2020 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T:

Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lưu Bình Th là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cấp ngày 08/01/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Lưu Bình Th phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác biệt nhau. Bà T với ông Th phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Ông Th không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, phạm tội bị phạt tù nhiều lần và vô cớ ghen tuông, không cho bà T đi làm trong khi bản thân ông Th không có công việc và thu nhập ổn định để chăm lo cho vợ con. Ông Th thường xuyên lăng mạ bà T và người chủ công ty và người làm chung với bà T. Bà T và ông Th đã sống ly thân từ 07 năm nay. Lời khai này của bà Nguyễn Thị Ngọc T được ông Lưu Bình Th thừa nhận. Ông Th không thừa nhận việc có hành vi đe dọa giết bà T. Qua xem xét lời khai của bà T và ông Th, có cơ sở để xác định giữa hai vợ chồng bà T và ông Th có phát sinh mâu thuẫn nhiều năm là đúng sự thật và mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung:

Ông Lưu Bình Th và bà Nguyễn Thị Ngọc T chung sống có với nhau một con chung là Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010). Bà Nguyễn Thị Ngọc T đề nghị giải quyết giao trẻ N cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện không yêu cầu ông Lưu Bình Th cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lưu Bình Th không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Ngọc T và thừa nhận bà T nuôi con rất tốt. Căn cứ Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T, giao trẻ Lưu Kim N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Lưu Bình Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Đương sự Nguyễn Thị Ngọc T khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và các vấn đề khác:

Đương sự Nguyễn Thị Ngọc T khai không có nợ chung, không có yêu cầu gì về các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn – ông Lưu Bình Th:

Về hôn nhân:

Ông Lưu Bình Th thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Ông Th thừa nhận vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Ông Th xác nhận bản thân có cờ bạc và có tính ghen tuông do thương yêu vợ con. Ông Th thừa nhận có nhắn tin và viết thư cho cha mẹ và anh chị em vợ nhờ lo cho con của vợ chồng ông nếu vợ chồng ông chết nhưng không đồng nghĩa là ông Th hăm dọa giết bà T. Ông Th cho rằng bà T đi làm và thường xuyên đi giao dịch làm ăn với bạn bè và khách hàng nhưng không xin phép ông. Ông Th không đồng ý ly hôn với lý do còn thương yêu vợ con và đề nghị Tòa án giải quyết hòa giải để vợ chồng chung sống đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của ông Th là mâu thuẫn với lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc T và mâu thuẫn với chính lời khai của ông Th. Ông Th chung sống với bà T nhưng không tôn trọng bà T; không lo làm ăn lo lắng cho gia đình lại cản trở bà T đi làm lo cho con cái, hay ghen tuông vô cớ, gây áp lực về tinh thần cho bà T. Bà T và ông Th đã sống ly thân nhiều năm nhưng ông Th không chủ động thay đổi để hòa giải với bà T để cùng hòa hợp, cùng lo cho gia đình nên đã làm mất đi giá trị truyền thống văn hóa gia đình Á Đông tốt đẹp, đầm ấm, cùng san sẻ khó khăn, chăm lo cho nhau; gây tổn hại tinh thần và sức khỏe của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc đề nghị Tòa án giải quyết đoàn tụ.

Về con chung: Ông Lưu Bình Th xác nhận ông và bà T có với nhau một con chung là Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010). Ông Th xác nhận hiện nay con chung là do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th thừa nhận bà T chăm sóc con rất tốt. Ông Th không nêu ý kiến về việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và việc bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của ông Th về vấn đề con chung là không trái với yêu cầu của bà T, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Lưu Kim N là

mong muốn được sống cùng với mẹ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung:

Đương sự Lưu Bình Th khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và các vấn đề khác:

Đương sự Lưu Bình Th khai không có nợ chung, không có yêu cầu gì về các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lưu Bình Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11 cấp ngày 08/01/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Lưu Bình Th và bà Nguyễn Thị Ngọc T có với nhau một người con chung là trẻ Lưu Kim N (nữ, sinh ngày 12/7/2010). Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lưu Kim N; ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu ông Lưu Bình Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lưu Bình Th được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông Th thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con

hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và các vấn đề khác:

Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015639 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường x, Quận 11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng